

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 205 /CT-VPTH

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính
bán niên năm 2019 đã được soát xét

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Mã chứng khoán: ISH

Trụ sở chính: xã Long Bình - huyện Phú Riềng - tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0271. 3731400 - 0271. 3731170

Fax: 0271. 3731092

Người công bố thông tin: Ông Nguyễn Thanh Hoài

Địa chỉ: Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Điện thoại: 0271.3731400

Fax: 0271.3731092

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu bất thường định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/8/2019 tại đường dẫn www.idico-shp.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPTH

Người thực hiện công bố thông tin
Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 30

38004
CÔNG
CỐ P
THỦY
SROK PH
IDIC
MIỀNG-

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21/2/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDICO - SHP.

Trụ sở chính Công ty tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch (bổ nhiệm 19/04/2019)
	Ông Phạm Văn Toán	Chủ tịch (miễn nhiệm 19/04/2019)
	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Ủy viên (bổ nhiệm 19/04/2019)
	Ông Nguyễn Văn Dinh	Ủy viên (miễn nhiệm 19/04/2019)
	Ông Hoàng Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Quách Vĩnh Bình	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Dinh	Giám đốc (miễn nhiệm 22/02/2019)
	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Giám đốc (bổ nhiệm 22/02/2019)
	Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

107449
G TY
THAN
DIEN
U MIENG
CO
T. BINH P

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, ✓



Nguyễn Thanh Hoài

Giám đốc

Bình Phước, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Số: 617/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được lập tại ngày 12 tháng 08 năm 2019, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		37.035.655.355	56.169.236.766
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.597.320.199	1.783.844.060
1. Tiền	111		2.597.320.199	1.783.844.060
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.065.927.179	47.156.181.529
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	28.929.814.316	46.697.422.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	330.434.412
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	136.112.863	128.324.780
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	5.315.899.163	7.138.759.911
1. Hàng tồn kho	141		5.315.899.163	7.138.759.911
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		56.508.814	90.451.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	56.508.814	90.451.266
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		755.374.799.400	776.726.888.970
I Các khoản phải thu dài hạn	210		2.400.000	2.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.400.000	2.400.000
II Tài sản cố định	220		746.252.595.831	763.973.707.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	549.560.371.769	564.621.408.074
- Nguyên giá	222		1.084.895.009.040	1.083.596.560.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(535.334.637.271)	(518.975.152.396)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	196.692.224.062	199.352.299.210
- Nguyên giá	228		216.634.774.678	216.634.774.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.942.550.616)	(17.282.475.468)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		618.128.341	1.279.961.604
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	618.128.341	1.279.961.604
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		8.501.675.228	11.470.820.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	8.501.675.228	11.470.820.082
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		792.410.454.755	832.896.125.736

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		279.241.746.670	293.975.795.272
I- Nợ ngắn hạn	310		147.849.746.670	162.583.795.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	282.829.634	1.557.793.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		210.815.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.394.181.289	9.996.926.009
3. Phải trả người lao động	314		892.078.442	2.864.248.318
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	55.840.196.953	28.251.330.678
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	81.090.495.774	112.833.313.135
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.063.713.430	4.463.323.500
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.075.436.148	2.616.860.191
II- Nợ dài hạn	330		131.392.000.000	131.392.000.000
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.12	131.392.000.000	131.392.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		513.168.708.085	538.920.330.464
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	513.168.708.085	538.920.330.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.350.956.364	2.350.956.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.085.541.100	19.170.066.784
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.732.210.621	67.399.307.316
- LNST chưa phân phối kì này	421b		18.732.210.621	67.399.307.316
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		792.410.454.755	832.896.125.736

Bình Phước, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Mai



Vũ Thị Thúy




Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	76.326.644.907	113.571.282.637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		76.326.644.907	113.571.282.637
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	39.327.987.462	47.541.101.887
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		36.998.657.445	66.030.180.750
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	15.108.761	147.841.936
7. Chi phí tài chính	22	5.18	10.625.476.363	12.998.902.648
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.625.476.363	12.998.902.648
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	6.338.769.155	6.025.620.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		20.049.520.688	47.153.499.293
11. Thu nhập khác	31	5.20	1.403.406.037	10.003.688
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.403.406.037	10.003.688
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		21.452.926.725	47.163.502.981
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	2.720.716.104	6.377.133.237
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.732.210.621	40.786.369.744
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	416	862


Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Mai

Vũ Thị Thúy

Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	21.452.926.725	47.163.502.981
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	18.878.627.177	23.076.063.466
- Các khoản dự phòng	3	(3.399.610.070)	(1.072.893.488)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(15.108.761)	(147.841.936)
- Chi phí lãi vay	6	10.625.476.363	12.998.902.648
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	47.542.311.434	82.017.733.671
- Tăng các khoản phải thu	9	18.090.254.350	(42.653.205.186)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	1.863.571.622	1.698.180.908
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(7.596.423.746)	3.365.199.300
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	3.003.087.306	1.889.506.117
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.853.613.864)	(12.221.049.702)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.651.323.532)	(5.235.960.539)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.425.035.071)	(3.490.946.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.972.828.499	25.369.457.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.298.448.570)	(24.175.750.337)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.108.761	147.841.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.283.339.809)	(24.027.908.401)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	22.758.250.041	37.170.472.660
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.501.067.402)	(53.344.037.127)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.133.195.190)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.876.012.551)	(16.173.564.467)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	813.476.139	(14.832.015.073)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.783.844.060	32.411.182.234
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.597.320.199	17.579.167.161

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập



Trần Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Giám đốc




Nguyễn Thanh Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 02 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: IDICO - SHP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 là 450.000.000.000 đồng.

Từ ngày 01/03/2018, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam – TNHH Một thành viên thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty cổ phần với tên gọi mới là Tổng Công ty IDICO – CTCP. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại Tổng Công ty IDICO – CTCP sau khi cổ phần hóa là 36% vốn điều lệ, theo đó tỷ lệ vốn Nhà nước tại Công ty giảm từ 51% vốn điều lệ xuống còn 18,36% vốn điều lệ.

Sở hữu vốn tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2019:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty IDICO - CTCP	22.950.000	229.500.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Ree	15.433.893	154.338.930.000	34,30%
Vốn của cổ đông khác	6.616.107	66.161.070.000	14,70%
Tổng	45.000.000	450.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: ISH

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 79 người (Tại 31/12/2018 là 94 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại; Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Trồng cây nông nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nhà máy điện; Tư vấn, thí nghiệm các công trình điện, đường dây và trạm biến áp; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Chi tiết: Mua bán, nhập khẩu vật tư, thiết bị và vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án cấp nước; Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật đô thị, thủy lợi, đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án cấp điện.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh điện, nước sạch, tư vấn giám sát, thi công xây lắp.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2019

	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 25
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 06
Vườn cây lâu năm	20

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Xây dựng về giá trị bộ phận doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng công ty IDICO-CTCP), và Quyết định giao đất của UBND tỉnh Bình Phước số 2610/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 về quản lý vùng ngập thủy điện Srok Phu Miêng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty được trích khấu hao trong vòng 50 năm khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí phát sinh lớn trong kỳ gồm những chi phí đại tu các tổ máy thường niên.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là: Các khoản chi phí liên quan đến việc sơn sửa, bảo dưỡng, duy tu cửa van đập tràn của Nhà máy Thủy điện Srok Phu miêng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế Tài nguyên

Hoạt động sản xuất điện sử dụng nước thiên nhiên: áp dụng mức thuế suất 5% và giá tính thuế Tài nguyên là giá bán điện thương phẩm bình quân từ 01/12/2017 là 1.720,65 đồng/kWh theo Quyết định số 4495/QĐ-BTC ngày 30/11/2017 của Bộ Công thương, từ ngày 20/3/2019 là 1.864,44 đ/kWh theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương

Hoạt động sản xuất nước sạch sử dụng nước thiên nhiên bề mặt: áp dụng mức thuế suất 1%; giá tính thuế tài nguyên là 4.000 đồng/m³ tính trên sản lượng nước thô khai thác theo quy định tại thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	110.514.000	69.839.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.486.806.199	1.714.005.060
Tổng	2.597.320.199	1.783.844.060

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	28.929.814.316	46.697.422.337
Công ty mua bán điện	28.315.636.041	45.996.916.750
Các đối tượng khác	614.178.275	700.505.587
Tổng	28.929.814.316	46.697.422.337

5.3 Các khoản phải thu khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	136.112.863	-	128.324.780	-
Phải thu khác	2.292.888	-	1.979.780	-
Tạm ứng	133.819.975	-	126.345.000	-
b) Dài hạn	2.400.000	-	2.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.400.000	-	2.400.000	-
Tổng	138.512.863	-	130.724.780	-

Đơn vị tính: VND

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.225.453.739	-	7.117.916.201	-
Công cụ, dụng cụ	40.123.300	-	20.843.710	-
Chi phí SXKD dở dang	50.322.124	-	-	-
Tổng	5.315.899.163	-	7.138.759.911	-

Đơn vị tính: VND

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	56.508.814	90.451.266
Chi phí chăm sóc vườn cây cao su	56.508.814	90.451.266
b) Dài hạn	8.501.675.228	11.470.820.082
Chi phí Trung tu tổ máy H2 - 2017	-	140.668.209
Chi phí Trung tu tổ máy H1 - 2017	-	399.426.577
Chi phí sửa chữa thiết bị của Tổ máy H1	8.501.675.228	10.930.725.296
Tổng	8.558.184.042	11.561.271.348

3004074
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
SROK PHU MI
IDICO
SANG-T. B.V.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Cây lâu năm	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	602.508.846.988	470.170.143.534	4.790.111.371	593.169.454	5.534.289.123	1.083.596.560.470
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.298.448.570	1.298.448.570
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	1.298.448.570	1.298.448.570
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	602.508.846.988	470.170.143.534	4.790.111.371	593.169.454	6.832.737.693	1.084.895.009.040
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	192.311.361.248	321.929.120.885	4.092.834.882	237.551.768	404.283.613	518.975.152.396
Tăng trong kỳ	8.513.089.188	7.480.991.346	201.698.748	52.966.290	110.739.303	16.359.484.875
Khấu hao trong kỳ	8.412.867.216	7.480.991.346	201.698.748	52.966.290	110.739.303	16.259.262.903
Khấu hao tài sản quỹ phúc lợi	100.221.972	-	-	-	-	100.221.972
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	200.824.450.436	329.410.112.231	4.294.533.630	290.518.058	515.022.916	535.334.637.271
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	410.197.485.740	148.241.022.649	697.276.489	355.617.686	5.130.005.510	564.621.408.074
Tại ngày 30/06/2019	401.684.396.552	140.760.031.303	495.577.741	302.651.396	6.317.714.777	549.560.371.769

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình (gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc; Máy móc thiết bị) với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 là 504.948.388.042 đồng (tại ngày 30/06/2018 là: 534.307.564.164 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định (bao gồm máy móc thiết bị; phương tiện vận tải) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 102.859.017.712 đồng (tại ngày 30/06/2018 là: 5.798.882.843 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	214.699.124.542	1.935.650.136	216.634.774.678
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	<u>214.699.124.542</u>	<u>1.935.650.136</u>	<u>216.634.774.678</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	16.096.877.788	1.185.597.680	17.282.475.468
Tăng trong kỳ	2.611.684.668	48.390.480	2.660.075.148
Khấu hao trong kỳ	2.611.684.668	48.390.480	2.660.075.148
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	<u>18.708.562.456</u>	<u>1.233.988.160</u>	<u>19.942.550.616</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	<u>198.602.246.754</u>	<u>750.052.456</u>	<u>199.352.299.210</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>195.990.562.086</u>	<u>701.661.976</u>	<u>196.692.224.062</u>

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	618.128.341	1.278.401.604
Trồng cây khu đầu mối 3	-	425.449.076
Trồng cây khu dốc đỏ	-	280.470.582
Trồng cây khu 24 ha	-	572.481.946
Dự án Điện năng lượng mặt trời Srok Phu Miêng	315.000.000	-
Chi phí sửa chữa thiết bị nhà máy điện	303.128.341	-
b) Dài hạn	-	1.560.000
Đại tu tổ máy H2	-	1.560.000
Tổng	<u>618.128.341</u>	<u>1.279.961.604</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	282.829.634	282.829.634	1.557.793.441	1.557.793.441
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng CENCO	148.500.000	148.500.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Thế Việt	-	-	433.715.700	433.715.700
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Hoài Thanh	-	-	405.900.000	405.900.000
Công ty TNHH Du lịch Trần	-	-	435.404.000	435.404.000
Công ty TNHH Giang Sơn	60.035.656	60.035.656	-	-
Phải trả người bán khác	74.293.978	74.293.978	282.773.741	282.773.741
Tổng	282.829.634	282.829.634	1.557.793.441	1.557.793.441

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019 VND
Phải nộp	9.996.926.009	15.958.219.212	21.560.963.932	4.394.181.289
Thuế giá trị gia tăng	1.654.083.111	7.020.433.025	7.813.704.920	860.811.216
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.797.000	8.797.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.651.323.532	2.720.716.104	6.651.323.532	2.720.716.104
Thuế thu nhập cá nhân	296.474.598	478.963.470	664.579.625	110.858.443
Thuế tài nguyên	1.395.044.768	5.667.858.204	6.361.107.446	701.795.526
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	58.451.409	58.451.409	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

5.11 Các khoản phải trả phải nộp khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	55.840.196.953	28.251.330.678
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	1.326.378.620	2.282.110.076
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng chưa nhận	724.409.411	1.168.615.278
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.365.145.833	1.584.444.445
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.648.814.900	3.857.214.611
Phải trả Tổng Công ty IDICO - CTCP	804.338.889	813.177.778
Cổ tức phải trả	49.827.453.300	18.460.648.490
Phải trả khác	143.656.000	85.120.000
Tổng	55.840.196.953	28.251.330.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	81.090.495.774	81.090.495.774	22.758.250.041	54.501.067.402	112.833.313.135	112.833.313.135
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước (1)	17.510.170.218	17.510.170.218	18.678.926.325	23.992.436.023	22.823.679.916	22.823.679.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước (2)	7.080.325.556	7.080.325.556	4.079.323.716,00	2.008.631.379	5.009.633.219	5.009.633.219
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai (3)	12.500.000.000	12.500.000.000	-	20.500.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Tp. Hồ Chí Minh (4)	32.000.000.000	32.000.000.000	-	8.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP (5)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
b) Vay dài hạn	131.392.000.000	131.392.000.000	-	-	131.392.000.000	131.392.000.000
<i>- Từ 12 tháng - 60 tháng</i>	<i>131.392.000.000</i>	<i>131.392.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>131.392.000.000</i>	<i>131.392.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai (3)	71.392.000.000	71.392.000.000	-	-	71.392.000.000	71.392.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Tp. Hồ Chí Minh (4)	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP (5)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	212.482.495.774	212.482.495.774	22.758.250.041	54.501.067.402	244.225.313.135	244.225.313.135



5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước**
- | | |
|---------------------------------|---|
| Số hợp đồng | THAOHTX1815/2019-HĐCVHM/NHCT504-SROKPHUMIENG |
| Ngày hiệu lực | 26/04/2019 |
| Loại tín dụng | Cho vay |
| Hạn mức cho vay | 30.000.000.000 đồng |
| Mục đích cấp tín dụng | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện và nước sạch năm 2019- 2020 |
| Thời hạn cấp hạn mức | Từ ngày 26/04/2019 đến hết ngày 26/04/2020 |
| Thời hạn của mỗi khoản tín dụng | Được quy định trong giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 6 tháng |
| Lãi suất cho vay | Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, đồng thời được điều chỉnh 1 tháng 1 lần |
| Biện pháp bảo đảm tiền vay | Thế chấp tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Công ty |
| Số dư nợ gốc tại 30/06/2019 | 17.510.170.218 đồng |
- (2) **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước**
- | | |
|---------------------------------|---|
| Số hợp đồng | 04/2019/1450170/HĐTD |
| Ngày hiệu lực | 20/05/2019 |
| Loại tín dụng | Cho vay, bảo lãnh |
| Hạn mức tín dụng | 13.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay tối đa 10.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa 3.000.000.000 đồng) |
| Mục đích cấp tín dụng | Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C |
| Thời hạn cấp hạn mức | Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20/05/2020 |
| Thời hạn của mỗi khoản tín dụng | Được xác định theo từng hợp đồng cụ thể |
| Lãi suất | Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ |
| Biện pháp bảo đảm tiền vay | Thế chấp cầu trục hạ lưu, cầu trục thượng lưu của Công ty |
| Số dư nợ gốc tại 30/06/2019 | 7.080.325.556 đồng |
- (3) **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai**
- | | |
|-----------------------------|--|
| Số hợp đồng | 01/2004/HĐTD |
| Ngày hiệu lực | 01/06/2004 |
| Loại tín dụng | Cho vay |
| Hạn mức vay | 621.000.000.000 đồng |
| Mục đích vay | Đầu tư xây lắp dự án |
| Thời hạn vay | 16 năm |
| Lãi suất | Được điều chỉnh định kỳ |
| Biện pháp bảo đảm tiền vay | Thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất, máy móc thiết bị của Công ty |
| Số dư nợ gốc tại 30/06/2019 | 83.892.000.000 đồng |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(4) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số hợp đồng	259/2013/HĐTDDH/CIB-HCM
Ngày hiệu lực	28/11/2013
Loại tín dụng	Cho vay
Hạn mức vay	150.000.000.000 đồng
Mục đích vay	Tài trợ cho Dự án Thủy điện Srok Phu Miêng
Thời hạn vay	7 năm
Lãi suất	Lãi suất 6 tháng đầu cố định là 11,8%/năm, sau đó lãi suất điều chỉnh theo định kỳ
Biện pháp bảo đảm tiền vay	Thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất, máy móc thiết bị của Công ty
Số dư nợ gốc tại 30/06/2019	67.000.000.000 đồng

(5) Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV (IDICO) (nay là Tổng Công ty IDICO – CTCP)

Số hợp đồng	01/2017/HĐVV/IDICO-SHP
Ngày hiệu lực	02/01/2018
Loại tín dụng	Chuyển nợ phải trả ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh thành nợ vay dài hạn
Số tiền	37.000.000.000 đồng
Mục đích cấp tín dụng	Chuyển nợ lãi vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh lũy kế tới thời điểm 31/12/2017
Thời hạn vay	3 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay vốn
Lãi suất cho vay	Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Vietinbank - CN Bình Phước tại thời điểm tính lãi + biên độ 2,2%/năm
Biện pháp bảo đảm tiền vay	Tín chấp
Số dư nợ gốc tại 30/06/2019	37.000.000.000 đồng

5.13 Dự phòng phải trả

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.063.713.430	4.463.323.500
Chi phí đại tu tổ máy H2	-	4.463.323.500
Vệ sinh, sơn lại cửa van đập tràn - NM thủy điện Srok Phu Miêng	507.543.430	-
Bảo dưỡng, sửa chữa cửa van đập tràn - NM thủy điện Srok Phu Miêng	556.170.000	-
Tổng	1.063.713.430	4.463.323.500

5.14 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	450.000.000.000	2.350.956.364	14.405.320.442	77.492.954.342	544.249.231.148
Tăng trong năm	-	-	4.764.746.342	94.399.307.316	99.164.053.658
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	94.399.307.316	94.399.307.316
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.764.746.342	-	4.764.746.342
Giảm trong năm	-	-	-	104.492.954.342	104.492.954.342
Chia cổ tức năm năm 2017	-	-	-	67.500.000.000	67.500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	27.000.000.000	27.000.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.764.746.342	4.764.746.342
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.826.750.000	4.826.750.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	-	-	401.458.000	401.458.000
Số dư tại 31/12/2018	450.000.000.000	2.350.956.364	19.170.066.784	67.399.307.316	538.920.330.464
Số dư tại 01/01/2019	450.000.000.000	2.350.956.364	19.170.066.784	67.399.307.316	538.920.330.464
Tăng trong kỳ	-	-	22.915.474.316	18.732.210.621	41.647.684.937
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	18.732.210.621	18.732.210.621
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	22.915.474.316	-	22.915.474.316
Giảm trong kỳ	-	-	-	67.399.307.316	67.399.307.316
Chia cổ tức năm 2018 (*)	-	-	-	40.500.000.000	40.500.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	22.915.474.316	22.915.474.316
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	3.983.833.000	3.983.833.000
Số dư tại 30/06/2019	450.000.000.000	2.350.956.364	42.085.541.100	18.732.210.621	513.168.708.085

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2019, theo đó lợi nhuận sẽ được phân phối như sau: Chia cổ tức (15% vốn điều lệ): 67.500.000.000 đồng; Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý: 3.983.833.000 đồng; Trích Quỹ đầu tư phát triển: 22.915.474.316 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	229.500.000.000	229.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Ree	154.338.930.000	154.338.930.000
Vốn của cổ đông khác	66.161.070.000	66.161.070.000
Tổng	450.000.000.000	450.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	450.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	450.000.000.000	450.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / Cổ phiếu	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	42.085.541.100	19.170.066.784
Tổng	42.085.541.100	19.170.066.784

5.15 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu khai thác vườn cây cao su	219.328.664	107.050.133
Doanh thu sản xuất điện	72.044.032.939	109.752.823.717
Doanh thu sản xuất nước sạch	3.835.283.304	3.711.408.787
Doanh thu dịch vụ tư vấn	228.000.000	-
Tổng	76.326.644.907	113.571.282.637

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn khai thác vườn cây cao su	248.769.331	113.510.784
Giá vốn sản xuất điện	36.628.523.710	45.685.505.623
Giá vốn sản xuất nước sạch	2.244.701.914	1.742.085.480
Giá vốn dịch vụ tư vấn	205.992.507	-
Tổng	39.327.987.462	47.541.101.887

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.108.761	147.841.936
Tổng	15.108.761	147.841.936

5.18 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	10.625.476.363	12.998.902.648
Tổng	10.625.476.363	12.998.902.648

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.782.876.109	3.545.941.862
Chi phí vật liệu quản lý	254.474.079	290.700.306
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.360.635	198.120.129
Chi phí khấu hao TSCĐ	876.231.228	782.927.302
Thuế phí và lệ phí	44.581.693	52.434.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.711.110	345.281.378
Chi phí bằng tiền khác	938.534.301	810.215.484
Tổng	6.338.769.155	6.025.620.745

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.20 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Bồi thường tổn thất tài sản	1.393.402.206	-
Các khoản khác	10.003.831	10.003.688
Tổng	1.403.406.037	10.003.688
<i>Chi phí khác</i>		
Tổng	-	-
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.403.406.037	10.003.688

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.452.926.725	47.163.502.981
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>256.316.771</i>	<i>123.001.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>256.316.771</i>	<i>123.001.000</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>8.135.103.641</i>	<i>5.372.926.777</i>
<i>Hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả chi phí đại tu tổ máy H1</i>	<i>8.135.103.641</i>	<i>5.372.926.777</i>
2. Thu nhập chịu thuế	13.574.139.855	41.913.577.204
3. Thu nhập được miễn giảm thuế	(29.440.667)	(6.460.651)
Thu nhập từ hoạt động bán mù cao su	(29.440.667)	(6.460.651)
4. Thu nhập tính thuế	13.603.580.522	41.920.037.855
4.1. Thu nhập tính thuế được ưu đãi thuế	10.820.479.981	40.137.486.691
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh điện	10.820.479.981	40.137.486.691
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi</i>	<i>20%</i>	<i>15%</i>
4.2. Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất bình thường	2.783.100.541	1.782.551.164
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch	1.357.687.011	1.772.547.476
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế 20%	1.425.413.530	10.003.688
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.720.716.104	6.377.133.237
Thuế TNDN hiện hành	2.720.716.104	6.377.133.237

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỆNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.732.210.621	40.786.369.744
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	(1.991.916.500)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.732.210.621	38.794.453.244
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	416	862

Khoản lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được giảm trừ phần lợi nhuận sử dụng để thực hiện chia quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ, theo đó số liệu so sánh của kỳ trước được ước tính dựa theo kết quả phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm. Số liệu trên được ước tính bằng 1/2 tổng số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính. Việc trình bày lại làm lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 906 VND/cổ phiếu xuống còn 862 VND/cổ phiếu. Năm 2019, Công ty chưa tiến hành phân phối lợi nhuận, do vậy, các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được xác định.

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.209.197.896	2.443.873.399
Chi phí nhân công	9.975.904.091	9.669.727.104
- Chi phí lương	8.224.988.922	8.271.901.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.878.627.177	23.076.063.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.837.823.580	2.642.714.862
Chi phí khác bằng tiền	13.765.203.873	15.734.343.801
Tổng	45.666.756.617	53.566.722.632

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập Ban lãnh đạo

Bên liên quan	Tính chất	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thưởng và thù lao	831.877.288	785.119.595

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>	<u>Cho kỳ kế toán</u>
			<u>6 tháng kết thúc</u>	<u>6 tháng kết thúc</u>
			<u>ngày 30/06/2019</u>	<u>ngày 30/06/2018</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	-	78.640.615
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Mua vật tư Thay thế thiết bị Sửa chữa tài sản	- - -	410.000.000 14.102.725.384 145.600.000
Tổng			-	78.640.615
<u>Giao dịch khác</u>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Chuyển đổi nợ vay Lãi vay	- 1.599.838.889	37.000.000.000 1.609.500.001
Tổng			1.599.838.889	38.609.500.001

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Phải trả khác</u>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Lãi vay Nợ gốc vay	804.338.889 37.000.000.000	813.177.778 37.000.000.000
Tổng			37.804.338.889	37.813.177.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Dịch vụ tư vấn VND	Khác VND	Tổng VND
Tổng doanh thu	72.044.032.939	3.835.283.304	228.000.000	219.328.664	76.326.644.907
Giá vốn từng bộ phận	(36.628.523.710)	(2.244.701.914)	(205.992.507)	(248.769.331)	(39.327.987.462)
Kết quả kinh doanh bộ phận	35.415.509.229	1.590.581.390	22.007.493	(29.440.667)	36.998.657.445
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.415.509.229	1.590.581.390	22.007.493	(29.440.667)	36.998.657.445
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	15.081.017	27.744	-	-	15.108.761
Chi phí tài chính (không phân bổ)	(10.625.476.363)	-	-	-	(10.625.476.363)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(6.018.440.602)	(320.328.553)	-	-	(6.338.769.155)
Kết quả thu nhập khác	-	-	-	1.403.406.037	1.403.406.037
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.786.673.281	1.270.280.581	22.007.493	1.373.965.370	21.452.926.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.164.095.996)	(271.537.402)	(4.401.499)	(280.681.207)	(2.720.716.104)
Lợi nhuận trong kỳ	16.622.577.285	998.743.179	17.605.994	1.093.284.163	18.732.210.621

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Dịch vụ tư vấn VND	Khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	737.983.500.318	8.269.095.513	-	-	746.252.595.831
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	618.128.341
Các khoản phải thu	28.454.148.904	564.018.275	50.160.000	-	29.068.327.179
Hàng tồn kho	-	-	-	-	5.315.899.163
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	11.155.504.241
Tổng tài sản					792.410.454.755
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	55.547.761.101	292.435.852	-	-	55.840.196.953
Phải trả tiền vay	212.482.495.774	-	-	-	212.482.495.774
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	10.919.053.943
Tổng nợ phải trả					279.241.746.670

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Dịch vụ tư vấn VND	Khác VND	Tổng VND
Tổng doanh thu	109.752.823.717	3.711.408.787	-	107.050.133	113.571.282.637
Giá vốn từng bộ phận	(45.685.505.623)	(1.742.085.480)	-	(113.510.784)	(47.541.101.887)
Kết quả kinh doanh bộ phận	64.067.318.094	1.969.323.307	-	(6.460.651)	66.030.180.750
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.067.318.094	1.969.323.307	-	(6.460.651)	66.030.180.750
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	147.772.863	69.073	-	-	147.841.936
Chi phí tài chính	(12.998.902.648)	-	-	-	(12.998.902.648)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(5.828.775.841)	(196.844.904)	-	-	(6.025.620.745)
Kết quả thu nhập khác	-	-	-	10.003.688	10.003.688
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.387.412.468	1.772.547.476	-	3.543.037	47.163.502.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.020.623.004)	(354.509.495)	-	(2.000.738)	(6.377.133.237)
Lợi nhuận trong kỳ	39.366.789.464	1.418.037.981	-	1.542.299	40.786.369.744

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Dịch vụ tư vấn VND	Khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	786.945.922.196	9.279.845.301	-	-	796.225.767.497
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	3.471.439.406
Các khoản phải thu	57.873.714.821	545.803.743	40.721.170	-	58.460.239.734
Hàng tồn kho	-	-	-	-	7.106.974.105
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	20.160.403.180
Tổng tài sản					885.424.823.922
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	74.857.598.741	-	-	-	74.857.598.741
Phải trả tiền vay	280.388.299.755	-	-	-	280.388.299.755
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	17.871.532.534
Tổng nợ phải trả					373.117.431.030



6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét.

Bình Phước, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Mai

Vũ Thị Thúy

Nguyễn Thanh Hoài



TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204 /CT-TCKT

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019

V/v Giải trình về lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trước tiên, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, hợp tác của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với đơn vị trong thời gian qua.

Theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (IDICO-SHP) giải trình về việc kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty và lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2019 giảm trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty là 18.732 triệu đồng, giảm 22.054 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2018 chủ yếu là do:

- Trong 6 tháng đầu năm 2019 lưu lượng nước về hồ chứa thủy điện Srok Phu Miêng thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, vì vậy sản lượng và doanh thu điện của Công ty thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2018 (*sản lượng là 62 triệu kWh, giảm 39% so với cùng kỳ; doanh thu điện là 72.044 triệu đồng, giảm 37.709 triệu đồng, tương ứng giảm 34% so với cùng kỳ*);

- Doanh thu của đơn vị phần lớn thu về từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên ảnh hưởng của tình hình thời tiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng cũng là ảnh hưởng rất lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chung của đơn vị.

Trên đây là giải trình của IDICO-SHP.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu VP, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hoài